

Số: 1259 /TB-ĐHTĐHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đại học chính quy đối với thí sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào năm 2026

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 361/QĐ-ĐHTĐHN ngày 02/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-ĐHTĐHN ngày 02/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội ban hành Đề án tuyển sinh đại học năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 363/QĐ-ĐHTĐHN ngày 02/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội ban hành Thông tin tuyển sinh trình độ đại học hình thức chính quy năm 2026;

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội thông báo tuyển sinh đại học chính quy đối với thí sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào năm 2026, cụ thể như sau:

1. Người dự tuyển: Người nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định.

2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

3. Điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đã tốt nghiệp THPT;
- Đáp ứng yêu cầu về trình độ tiếng Việt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam: Bậc 4/6 theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (tương đương trình độ B2);
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của Trường.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Mã ngành	Ngành	Chỉ tiêu
1	7140202	Giáo dục Tiểu học	5
2	7220101	Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	5
3	7229030	Văn học	3
4	7310110	Quản lý kinh tế	3
5	7310401	Tâm lý học	3
6	7340101	Quản trị kinh doanh	4
7	7340201	Tài chính - Ngân hàng	4
8	7340403	Quản lý công	3
Tổng số:			30

5. Hồ sơ dự tuyển:

(1) Bản sao công chứng và dịch thuật sang tiếng Việt: Bằng tốt nghiệp THPT kèm theo kết quả học tập. Đối với bằng tốt nghiệp THPT do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công nhận trình độ tương đương với THPT của Việt Nam do các đơn vị chức năng có thẩm quyền xác định.

(2) Bản sao công chứng Chứng chỉ tiếng Việt bậc 4 (B2) do các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam cho phép tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài, còn thời hạn hai (02) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ. Trường hợp thí sinh đã tốt nghiệp các cấp học ở giáo dục phổ thông bằng tiếng Việt thì được miễn chứng chỉ tiếng Việt.

(3) Phiếu đăng ký đã điền đầy đủ thông tin (Mẫu phiếu tại Phụ lục kèm theo Thông báo).

(4) Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp tỉnh/thành phố hoặc cấp trung ương của Việt Nam (chứng nhận đủ sức khỏe để học tập), được cấp không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

(5) Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc ít nhất một (01) năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam.

(6) Thư giới thiệu do Đại sứ quán Lào cấp hoặc Lý lịch tư pháp/Giấy chứng nhận không có án tích.

(7) Bản sao giấy tờ chứng minh về tài chính đảm bảo cho học tập và sinh hoạt tại Việt Nam.

(8) 04 ảnh 4x6 cm.

6. Cách thức và thời gian nộp hồ sơ, xét tuyển:

- Thí sinh nộp hồ sơ trực tuyến qua email: anhtv@daihocthudo.edu.vn và hồ sơ trực tiếp (02 bộ) theo địa chỉ: Phòng Quản lý đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên,

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, 98 Dương Quảng Hàm, Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam.

Lưu ý: Thí sinh phải thực hiện nộp hồ sơ dự tuyển theo cả 2 hình thức trên.

- Thời gian nộp hồ sơ: kể từ ngày thông báo đến hết ngày 30/10/2026.
- Thời gian xét tuyển: tháng 11/2026
- Thời gian nhập học: tháng 12/2026

7. Học phí và thông tin học bổng:

- Học phí: Theo quy định của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.
- Thông tin học bổng: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội tài trợ học bổng cho sinh viên nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tuyển sinh năm 2026:

TT	Nội dung	Mức chi	Ghi chú
1	Học phí	Tài trợ 100% học phí theo mức học phí quy định của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	Bao gồm cả thời gian học dự bị tiếng Việt và thời gian đào tạo đại học
2	Sinh hoạt phí	1.000.000 đ/người/tháng	
3	Ký túc xá	Tài trợ 100% kinh phí ở ký túc xá tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	

8. Học dự bị tiếng Việt: Thí sinh chưa đủ trình độ tiếng Việt để vào học chương trình chính thức bằng tiếng Việt thì phải học dự bị tiếng Việt, sau đó tham dự thi đánh giá năng lực tiếng Việt, nếu đạt yêu cầu sẽ được vào chương trình chính thức, nếu không đạt yêu cầu thì phải tiếp tục học bổ sung và thi đến khi đạt yêu cầu trước khi chuyển vào học chương trình chính thức.

9. Thông tin liên hệ và hỗ trợ thí sinh:

- Về học dự bị tiếng Việt: Phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác phát triển, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, 98 Dương Quảng Hàm, Nghĩa Đô, Hà Nội. Email: dtktuong@daihocthudo.edu.vn;

- Về tuyển sinh: Phòng Quản lý đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, 98 Dương Quảng Hàm, Nghĩa Đô, Hà Nội. Email: anhtv@daihocthudo.edu.vn./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Thể thao Lào;
- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- TT TTTV&HL (đăng website);
- Lưu: VT, QLĐT&CTHSSV.

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Hồng Cường

Dán ảnh cỡ
4x6

*Attach your
photo size 4x6*

PHIẾU ĐĂNG KÝ
DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP TẠI VIỆT NAM
APPLICATION FORM
FOR INTERNATIONAL APPLICANTS TO STUDY IN VIETNAM

Hãy điền đầy đủ thông tin vào chỗ trống hoặc đánh dấu (✓) vào các ô tương ứng. Viết họ tên bằng chữ in hoa./ Please fill in the blanks or tick (✓) appropriate boxes. Write your full name in **BLOCK** letters.

1	Họ/Family name	Tên đệm/Middle name	Tên/First name
2	Ngày sinh/Date of birth: Ngày/Day. tháng/month năm/year.		
3	Giới tính/Gender:	☐ Nam/Male	☐ Nữ/Female
4	Nơi sinh/Place of birth:	Thành phố/City. Nước/Country.	
5	Quốc tịch/Nationality:		
6	Nghề nghiệp/Occupation:		
7	Tôn giáo/Religion:		
8	Hộ chiếu/Passport:	Số/Number	Nơi cấp/Place of issue
		Ngày cấp/Date of issue	Ngày hết hạn/Expiry date
9	Tình trạng hôn nhân/ Marital status:	☐ Độc thân/Single ☐ Đã kết hôn/Married ☐ Ly dị/Divorced	
10	Tiếng mẹ đẻ/Native language:		
11	Địa chỉ liên hệ trong nước/ Home country contact address:		
12	Điện thoại nhà riêng trong nước/Home phone number in your home country:		
13	Người liên hệ khi cần báo tin ở trong nước/Contact person in your home country in case of emergency:		
	Họ tên/Full name		Quan hệ/Relationship
	Địa chỉ nơi ở/Residential address		Nơi làm việc/Place of work
	Điện thoại/Phone number		Email

14	Quá trình học tập/ <i>Educational background:</i>			
	Năm học <i>Academic year</i>	Cơ sở đào tạo <i>Institution</i>	Ngành học <i>Field of Study</i>	Văn bằng, chứng chỉ <i>Qualifications</i>
				
				
				
15	Quá trình công tác/ <i>Employment record:</i>			
	15.1 Cơ quan công tác/ <i>Employer:</i>			
	Thời gian công tác/ <i>Time of employment:</i>		Từ/ <i>From:</i> tháng/ <i>month.</i> năm/ <i>year.</i> Đến/ <i>To:</i> tháng/ <i>month.</i> năm/ <i>year.</i>	
	Vị trí công tác/ <i>Job Title:</i>			
	Mô tả công việc/ <i>Job Description:</i>			
	15.2 Cơ quan công tác/ <i>Employer:</i>			
	Thời gian công tác/ <i>Time of employment:</i>		Từ/ <i>From:</i> tháng/ <i>month.</i> năm/ <i>year.</i> Đến/ <i>To:</i> tháng/ <i>month.</i> năm/ <i>year.</i>	
	Vị trí công tác/ <i>Job Title:</i>			
	Mô tả công việc/ <i>Job Description:</i>			
16	Tự đánh giá trình độ tiếng Việt/ <i>Self assessed Vietnamese language proficiency:</i>			
	☐ Không biết tiếng Việt/ <i>Zero Vietnamese proficiency</i> ☐ Biết tiếng Việt / <i>Some Vietnamese Proficiency</i> Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/ <i>Tick appropriate box in the next column:</i>		☐ Sơ cấp/ <i>Elementary</i> ☐ Trung cấp/ <i>Intermediate</i> ☐ Cao cấp/ <i>Advanced</i>	
	Nếu bạn đã học ở Việt Nam bằng tiếng Việt, hãy điền các thông tin dưới đây/ <i>If you have studied in Vietnam in Vietnamese, complete all following required information:</i>			
	Tên các trường đã học/ <i>Names of institutions attended:</i>			
	Tổng thời gian đã học/ <i>Total length of study:</i>		 giờ/ <i>hours</i> tháng/ <i>months</i> năm/ <i>years</i>	
	Giấy chứng nhận trình độ tiếng Việt/ <i>Certificate of Vietnamese language proficiency:</i>		☐ Không/ <i>No</i> ☐ Có/ <i>Yes</i> Trình độ/ <i>Level:</i>	
Loại văn bằng tốt nghiệp đã được cấp/ <i>Types of qualifications awarded:</i>		☐ THPT/ <i>High school</i> ☐ Cao đẳng/ <i>College</i> ☐ Đại học/ <i>Bachelor</i> ☐ Thạc sĩ/ <i>Master</i> ☐ Tiến sĩ/ <i>Doctor</i>		
17	Trình độ tiếng Anh/ <i>English Language Proficiency:</i>			
	☐ Không biết tiếng Anh/ <i>Zero English proficiency</i> ☐ Biết tiếng Anh/ <i>Some English Proficiency</i> Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/ <i>Tick appropriate box in the next column:</i>		☐ Sơ cấp/ <i>Elementary</i> ☐ Trung cấp/ <i>Intermediate</i> ☐ Cao cấp/ <i>Advanced</i>	
18	Ngoại ngữ khác/ <i>Other foreign languages:</i>			
	 Trình độ/ <i>Level:</i> Trình độ/ <i>Level:</i>			

	Khóa học đăng ký/ <i>Proposed Study Program:</i>		
19	☐ Tiểu học/ <i>Primary School</i> ☐ Trung học cơ sở/ <i>Lower Secondary School</i> ☐ Trung học phổ thông/ <i>Upper Secondary School</i>		
	☐ Trung cấp chuyên nghiệp/ <i>Secondary Professional and Technical School</i> ☐ Cao đẳng/ <i>Associate</i> ☐ Đại học/ <i>Bachelor</i> ☐ Thạc sĩ/ <i>Master</i> ☐ Tiến sĩ/ <i>PhD</i> ☐ Thực tập sinh/ <i>Research Fellowship</i> ☐ Khóa học ngắn hạn/ <i>Short-term training course</i>		
20	Ngành học, lĩnh vực nghiên cứu đăng ký/ <i>Proposed field of study/research:</i>		
21	Thời gian học đăng ký/ <i>Proposed period of study:</i> Từ/ <i>From:</i> ngày/ <i>day</i> tháng/ <i>month</i> năm/ <i>year</i> . Đến/ <i>To:</i> ngày/ <i>day</i> tháng/ <i>month</i> năm/ <i>year</i> .		
22	Cơ sở giáo dục đăng ký/ <i>Proposed educational institution for study/research:</i>		
23	Ngôn ngữ đăng ký sử dụng cho khóa học/ <i>Proposed language medium for study:</i> ☐ Tiếng Việt/ <i>Vietnamese</i> ☐ Tiếng Anh/ <i>English</i> ☐ Ngôn ngữ khác/ <i>Other language:</i>		
24	Thành viên trong gia đình đang ở Việt Nam (nếu có)/ <i>Your family members living in Vietnam (if any):</i>		
	Họ tên/ <i>Full name</i>	Quan hệ/ <i>Relationship</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>
	1.....		
	2.....		
25	Chi phí trong thời gian học tập tại Việt Nam/ <i>Source of funding for your study in Vietnam:</i> ☐ Học bổng Chính phủ Việt Nam/ <i>Vietnamese Government Scholarship</i> ☐ Học bổng khác/ <i>Other Scholarship</i> ☐ Tự túc kinh phí/ <i>Self-funding</i>		
26	Tôi, người ký tên dưới đây, xin cam đoan tất cả thông tin tôi ghi trong Phiếu đăng ký này là hoàn toàn trung thực và chính xác. Tôi xin cam kết tuân thủ Pháp luật của Việt Nam, Quy chế quản lý lưu học sinh nước ngoài học tập tại Việt Nam và nội quy, quy định của cơ sở đào tạo, cơ sở nội trú trong suốt thời gian lưu học tại Việt Nam. <i>I, the undersigned, hereby acknowledge that all the information on this Application Form is true and correct to the best of my knowledge. I hereby undertake to comply strictly with all the laws and the regulations of the Vietnamese Government, all regulations applicable to international students studying in Vietnam, all regulations of the educational institutions and accommodation providers throughout my stay in Vietnam.</i>		
Ngày/ <i>Day</i> tháng/ <i>month</i> năm/ <i>year</i> Ký tên/<i>Applicant's signature:</i>			

Danh mục hồ sơ/Document Checklist

Mỗi ứng viên cần nộp 02 bộ gồm các tài liệu (in trên giấy khổ A4) liệt kê dưới đây. Các văn bản giấy tờ ghi bằng ngôn ngữ khác với tiếng Việt thì phải đính kèm bản dịch hợp lệ sang tiếng Việt. Hồ sơ đăng ký không trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.

Each applicant should submit 01 set of documents (printed on A4-size paper) listed hereunder. Documents in languages other than Vietnamese must be attached with duly notarized translation into Vietnamese. The submitted documents will not in any case be returned to the applicants.

- ☐ 1. Phiếu đăng ký đã điền đầy đủ thông tin/*Completed application form.*
- ☐ 2. Bản sao, bản dịch có xác nhận hoặc chứng thực văn bằng, kết quả học tập theo quy định đối với từng cấp học, trình độ đào tạo của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo.
Copies and translation of degrees, diplomas and academic transcripts applicable for relevant levels of proposed study, duly notarized or certified by competent authorities of the sending country.
- ☐ 3. Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo hoặc cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố hoặc Trung ương của Việt Nam chứng nhận đủ sức khỏe để học tập được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
Medical examination certificate issued within 6 months from the date of application by competent health authorities of the sending country or by Vietnamese central, municipal or provincial medical bodies, clearly stating that the applicant is healthy and fit for overseas study.
- ☐ 4. Bản sao hợp lệ chứng chỉ trình độ tiếng Việt do cơ sở giáo dục có thẩm quyền cấp hoặc chứng chỉ quốc tế về ngôn ngữ sẽ sử dụng để học tập tại Việt Nam (nếu có).
Duly certified copies of Vietnamese Proficiency Certificates issued by competent educational institutions or internationally recognized certificate of the foreign language to be used for study in Vietnam (if any).
- ☐ 5. Bản sao giấy tờ minh chứng về tài chính đảm bảo cho học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam.
Copies of financial guarantee to support study, research and living in Vietnam.
- ☐ 6. Đề cương nghiên cứu (đối với nghiên cứu sinh) hoặc kế hoạch thực tập (đối với thực tập sinh).
Research proposal (for PhD applicants) or Plan of practical training (for Internship applicants).
- ☐ 7. Thư giới thiệu của 01 nhà khoa học cùng lĩnh vực nghiên cứu có trình độ tiến sĩ (đối với nghiên cứu sinh).
Letters of Recommendation provided by 01 researchers or academics who hold doctorate degrees and have similar fields of research (applicable to PhD applicants).
- ☐ 8. Bản sao hợp lệ các tài liệu, chứng chỉ về năng khiếu, chuyên môn, thành tích nghiên cứu,... (nếu có).
Duly certified copies of documents and certificates about the applicant's aptitude, expertise, research achievements, ... (if any).
- ☐ 9. Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam.
Copy of passport with a validity of the expected duration of study in Vietnam or at least 1 year from the expected arrival in Vietnam.

- ☐ 10. Thư giới thiệu do Đại sứ quán nước mà ứng viên mang quốc tịch cấp, hoặc Lý lịch tư pháp/Giấy chứng nhận không có án tích.

A letter of recommendation issued by the Embassy of the applicant's country of citizenship, or a Police Clearance Certificate/Certificate of No Criminal Record.

